**DANH SÁCH CÁC DƯỢC LIỆU ĐÃ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ĐẠT CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GACP**

**(Tính đến ngày 24/12/2024)**

| **Stt** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ cơ sở** | **Tên dược liệu** | | **Đia điểm trồng, khai thác** | **Sản lượng dự kiến** | **Diện tích trồng, khai thác** | **Số GCN/Ngày công bố** | **Ngày hết hiệu lực** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên tiếng Việt** | **Tên khoa học** |
| 1. 1 | Công ty cổ phần Dược OPC Bắc Giang | Thôn Bình An, xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Kim tiền thảo | *Desmodium styracifolium* (Osbeck) Merr. | Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang | 100 tấn/năm | 12,5 ha | 57/GCN-YDCT (05/10/2021) | 05/10/2024 |
| 1. 3 | Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam | Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ,Việt Nam | Quýt | *Citrus reticulata* Blanco | Xã Dương Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn | 1,5 tấn/năm | 2 ha | 71/GCN-YDCT (27/12/2021) | 27/12/2024 |
| 1. 4 | Công ty cổ phần Curcumin Bắc Kạn Bắc Kạn | Thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam | Nghệ vàng | Curcuma longa L. | Xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn | 185 tấn/02 năm (dược liệu tươi) | 10,2 ha | 01/GCN-YDCT (05/01 2022) | 05/01/2025 |
| 1. 5 | Công ty cổ phần dược Medibros Miền Bắc | Số 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam. | Bèo hoa dâu | *Azolla microphylla* Kaulf | Thôn An Khoái, xã Châu Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình | 83730 kg/năm | 3,588 ha | 60/GCN-YDCT  (23/8/2023) | 10/01/2025 |
| 1. 6 | Công ty TNHH ĐTPT nguyên liệu dược Future | Thôn Cầu Đất, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Kim tiền thảo | Desmodium styracifolium (Osbeck) Merr. | Thôn Hòa Tiến,xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang | 40-45 tấn/năm | 5.001 ha | 06/GCN-YDCT (12/01 2022) | 12/01/2025 |
| 1. 7 | Hợp tác xã cộng đồng Dao Đỏ | Thôn Tà Chải, xã Tà Phìn, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai | Chùa dù | Elsholtzia penduliflora W.W.Smith | Xã Ngũ Chỉ Sơn; xã Tả phìn, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai | 100 tấn/năm (dược liêu tươi) | 40 ha | 09/GCN-YDCT (17/01 2022) | 17/01/2025 |
| 1. 8 | Hợp tác xã cộng đồng Dao Đỏ | Thôn Tà Chải, xã Tà Phìn, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai | Ngãi cứu rừng | Elsholtzia penduliflora W.W.Smith | Xã Tả phìn, xã Ngũ Chỉ Sơn, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai | 600 tấn/năm (dược liệu tươi) | 30 ha | 10/GCN-YDCT (17/01 2022) | 17/01/2025 |
| 1. 9 | Công ty cổ phần dược phẩm Thiên Dược | Lô F3, đường N5, KCN Nam Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương,Việt Nam | Trinh nữ Crila (Trinh nữ hoàng cung) | *Crinum latifolium* L. | Ấp Phước Hòa, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | 20 tấn/năm | 18,3 ha | 14/GCN-YDCT (26/01/2022) | 26/01/2025 |
| 1. 10 | Công ty TNHH dược liệu Vũ Gia | Thôn 4, xã Gia Lâm, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam | Trà hoa vàng Cúc Phương | *Camellia cucphuongensis* Ninh & Rosmann | Thôn 4, xã Gia Lâm, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình | 8 tấn/năm | 6,9 ha | 26/GCN-YDCT (16/3/2022) | 16/03/2025 |
| 1. 11 | Công ty TNHH dược liệu Vũ Gia | Thôn 4, xã Gia Lâm, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam | Đinh lăng lá nhỏ | *Polyscias fruticosa* (L.) Harms | Thôn 4, xã Gia Lâm, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình | 50 tấn/03 năm | 6,9 ha | 27/GCN-YDCT (16/3/2022) | 16/03/2025 |
| 1. 12 | Công ty TNHH Hoàng Minh Châu Hưng Yên | Thôn Tân Hưng, xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Nghệ vàng | Curcuma longa L. | Thôn Tân Hưng, xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên | 250 tấn/năm | 50,1 ha | 33/GCN-YDCT (29/3/2022) | 29/03/2025 |
| 1. 13 | Công ty cổ phần dược Sơn Lâm | Lô CN6, Cụm Công nghiệp Duyên Thái, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Sen | *Nelumbo nucifera* Gaertn. | Thôn Đông Trạch, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội | Liên nhục 12 tấn/năm; Liên diệp 40 tấn/năm; Liên tâm 680 kg/năm; Liên tu 400 kg/năm | 4 ha | 36/GCN-YDCT (29/3/2022) | 25/4/2025 |
| 1. 14 | Công ty cổ phần dược Sơn Lâm | Lô CN6, Cụm Công nghiệp Duyên Thái, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Nhãn | *Dimocarpus longan* Lour. | Thôn Đông Trạch, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội | 56 tấn | 2 ha | 37/GCN-YDCT (29/3/2022) | 25/4/2025 |
| 1. 15 | Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam | Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ,Việt Nam | Ba kích | *Morinda officinalis* F.C.How | Thôn Bắc Sơn, xã Bắc Bình, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc | 4,5 tấn/năm | 2 ha | 43/GCN-YDCT (27/6/2022) | 27/6/2025 |
| 1. 16 | Công ty TNHH Thái Hòa | Số nhà 95, đường Hoàng Văn Thụ, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam | Giảo cổ lam | *Gynostemma pentaphyllum* (Thunb.) Makino | Huyện Kon Plông và huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum | 75 tấn/năm | 10 ha | 45/GCN-YDCT (13/7/2022) | 13/7/2025 |
| 1. 17 | Công ty cổ phần Nicotex Đắk Lắk | 68 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, Việt Nam | Độc hoạt | *Angelica pubescens* Ait. | Thôn 6, xã Nam Binh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông | 2-2,5 tấn/ha/năm | 5 ha | 47/GCN-YDCT (26/7/2022) | 26/7/2025 |
| 1. 19 | Công ty TNHH Thái Hòa | Số nhà 95, đường Hoàng Văn Thụ, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam | Độc hoạt | *Angelica pubescens* Maxim. | Huyện Kon Plông và huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum | 2-2,5 tấn/ha/năm | 2 ha | 49/GCN-YDCT (29/7/2022) | 29/7/2025 |
| 1. 20 | Công ty TNHH MTV Kim Hoàng | Số 1573, đường Hoàng Hoa Thám, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cà gai leo | *Solanum procumbens* Lour*.* | Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang | 4,2-5,1 tấn/năm | 2,31 ha | 65/GCN-YDCT  (28/11/2022) | 28/11/2025 |
| 1. 21 | Công ty TNHH MTV Kim Hoàng | Số 1573, đường Hoàng Hoa Thám, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Ba kích | *Morinda offcinalis* F.C.How*.* | Huyện Sơn Động và huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang | 6,15-7,99 tấn/năm | 17,47 ha | 66/GCN-YDCT  (28/11/2022) | 28/11/2025 |
| 1. 22 | Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam | Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ,Việt Nam | 1. Quế chi  2. Quế (Vỏ thân, vỏ cành) | 1*. Ramulus Cinnamomi*  2*. Cortex Cinnamomi* | Thôn Đoàn Kết, xã Xuân Ái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái | Quế nhục 12,59 tấn/ha/chu kỳ; Quế chi 17 tấn/ha/chu kỳ | 3,5992 ha | 04/GCN-YDCT  (05/01/2023) | 05/01/2026 |
| 1. 23 | Công ty cổ phần dược phẩm OPC | 1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Liên diệp | *Folium Nelumbinis nuciferae* | Ấp 5B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp | 4,4 tấn/năm | 4,6384 ha | 04/GCN-YDCT  (05/01/2023) | 05/01/2026 |
| 1. 24 | Công ty cổ phần Dược- TTB Y tế Bình Định (BIDIPHAR) | 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định,Việt Nam | Cà gai leo | *Herba Solani procumbensis* | Thôn Hưng Nhơn, thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. | 650 kg/năm | 3.000 m2 | 06/GCN-YDCT (11/01/2023) | 11/01/2026 |
| 1. 25 | Công ty cổ phần Dược- TTB Y tế Bình Định (BIDIPHAR) | 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định,Việt Nam | Đương quy di thực | *Radix Angelicae acutilobae* | Thôn III, xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. | 0,7 tấn/chu kỳ (14-18 tháng) | 3.000 m2 | 07/GCN-YDCT (11/01/2023) | 11/01/2026 |
| 1. 26 | Công ty cổ phần Dược- TTB Y tế Bình Định (BIDIPHAR) | 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định,Việt Nam | Dây thìa canh | *Caulis et folium Gymnematis sylvestris* | Thôn Hưng Nhơn, thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. | 1,5 tấn/năm | 6.424 m2 | 08/GCN-YDCT (11/01/2023) | 11/01/2026 |
| 1. 27 | Công ty cổ phần Thiên Dược | Lô F3, đường N5, KCN Nam Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương,Việt Nam | Trinh nữ hoàng cung (Lá) | *Folium Crini latifolii* | Xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận | 8,4 tấn/năm | 8,4 ha | 09/GCN-YDCT  (31/01/2023) | 31/01/2026 |
| 1. 28 | Công ty TNHH Tuệ Linh | Tầng 5 tòa nhà 29T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cà gai leo | *Herba Solani procumbensis* | Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội | 30 tấn/năm | 06 ha | 10/GCN-YDCT  (31/01/2023) | 31/01/2026 |
| 1. 29 | Công ty cổ phần Traphaco | Số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, Q. Ba Đình, TP.Hà Nội, Việt Nam | Actisô | *Cynara scolymus* L. | Thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai | 2000 tấn/năm (dược liệu tươi) | 50 ha | 12/GCN-YDCT (14/3/2023) | 14/3/2026 |
| 1. 30 | Công ty cổ phần Dược- TTB Y tế Bình Định (BIDIPHAR) | 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định,Việt Nam | Hà thủ ô (Rễ) | *Radix Fallopiae multiflorae* | Thôn III, xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. | 2,5 tấn/chu kỳ (3,5-4 năm) | 1,1 ha | 17/GCN-YDCT (24/3/2023) | 24/3/2026 |
| 1. 31 | Công ty cổ phần Dược- TTB Y tế Bình Định (BIDIPHAR) | 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định,Việt Nam | Ba kích (Rễ) | *Radix Morindae officinalis* | Thôn III, xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. | 1,6 tấn/chu kỳ (3 năm) | 1,1 ha | 13/GCN-YDCT (24/3/2023) | 24/3/2026 |
| 1. 32 | Công ty cổ phần Dược- TTB Y tế Bình Định (BIDIPHAR) | 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định,Việt Nam | Chè dây | *Folium Ampelopsis* | Xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. | 2,5 tấn/năm | 2,4 ha | 14/GCN-YDCT (24/3/2023) | 24/3/2026 |
| 1. 33 | Công ty cổ phần Dược- TTB Y tế Bình Định (BIDIPHAR) | 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định,Việt Nam | Đảng sâm (Rễ) | *Radix Codonopsis* | Thôn III, xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. | 250 kg/chu kỳ (30-36 tháng) | 1.000 m2 | 16/GCN-YDCT (24/3/2023) | 24/3/2026 |
| 1. 34 | Công ty cổ phần Dược- TTB Y tế Bình Định (BIDIPHAR) | 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định,Việt Nam | Đảng sâm Việt Nam (Rễ) | *Radix Codonopsis javanicae* | Thôn III, xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. | 500 kh/chu kỳ (30-36 tháng) | 2.000 m2 | 15/GCN-YDCT (24/3/2023) | 24/3/2026 |
| 1. 35 | Công ty cổ phần Traphaco | Số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, Q. Ba Đình, Hà Nội,Việt Nam | Rau đắng đất | *Glinus oppositifolius* (L.) DC. | Huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên | 80-100 tấn/năm | 1.200 ha | 28/GCN-YDCT (29/5/2023) | 29/5/2026 |
| 1. 36 | Công ty cổ phần dược phẩm JAFU Việt Nam | Số 45, ngõ 105 đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam | Sâm lai châu | *Rhizoma et Radix Panacis vietnamensis* | Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu | 2,88 tấn/05 năm (dược liệu tươi) | 2,4 ha | 32/GCN-YDCT  (14/6/2023) | 14/6/2026 |
| 1. 37 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương | Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Kim tiền thảo | *Herba Desmodii styracifolii* | Thôn Đá Bạc, xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương | 8,5 tấn/năm | 10440 m2 | 34/GCN-YDCT  (21/6/2023) | 21/6/2026 |
| 1. 38 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương | Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Diệp hạ châu đắng | *Herba Phyllanthi amari* | Thôn Đá Bạc, xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương | 1,3 tấn/năm | 2760 m2 | 33/GCN-YDCT  (21/6/2023) | 21/6/2026 |
| 1. 39 | Công ty cổ phần Traphaco | Số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, Q. Ba Đình, Hà Nội,Việt Nam | Đinh lăng | *Radix Polysciacis* | Huyện Hải Hậu và huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định | 300-400 tấn/năm | 75 ha | 36/GCN-YDCT (29/6/2023) | 29/6/2026 |
| 1. 40 | Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân | Lô số CN-08-2 cụm công nghiệp Ninh Hiệp, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Trạch tả | *Rhizoma Alismatis* | Thông Đường Mười Tây, xã Xuân Chính, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình | 03 tấn/ha/năm | 9,02 ha | 35/GCN-YDCT  (29/6/2023) | 29/6/2026 |
| 1. 41 | Công ty TNHH sản xuất thương mại Hồng Đài Việt | Gian hàng số 35 Chung Cư Khánh Hội, 360C Bến Văn Đồn, phường 1, Q.4, TP.HCM,Việt Nam | Dây thìa canh | *Caulis et folium Gymnemae* | Khu phố Đa Ngư, phường Hòa Hiệp Nam, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên | 10 tấn/ha/năm | 1,3 ha | 40/GCN-YDCT  (18/7/2023) | 18/7/2026 |
| 1. 42 | Công ty TNHH sản xuất thương mại Hồng Đài Việt | Gian hàng số 35 Chung Cư Khánh Hội, 360C Bến Văn Đồn, phường 1, Q.4, TP.HCM,Việt Nam | Diệp hạ châu đắng | *Herba Phyllanthi amari* | Phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | 7,2 tấn/ha/năm | 2,6 ha | 41/GCN-YDCT  (18/7/2023) | 18/7/2026 |
| 1. 43 | Công ty TNHH sản xuất thương mại Hồng Đài Việt | Gian hàng số 35 Chung Cư Khánh Hội, 360C Bến Văn Đồn, phường 1, Q.4, TP.HCM, Việt Nam | Cỏ mực | *Herba Ecliptae* | Thôn Vĩnh Phú, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên | 2 tấn/năm | 2000 m2 | 42/GCN-YDCT  (18/7/2023) | 18/7/2026 |
| 1. 44 | Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sao Mai | Số nhà 20, ngõ 378, đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | Hương nhu trắng | *Herba Ocimi gratissimi* | Đội 5, xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa | 13 tấn/năm (dược liệu tươi) | 1,1 ha | 43/GCN-YDCT  (18/7/2023) | 18/7/2026 |
| 1. 45 | Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sao Mai | Số nhà 20, ngõ 378, đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | Bạc hà | *Herba Menthae* | Đội 5, xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa | 13 tấn/năm (dược liệu tươi) | 1,3 ha | 44/GCN-YDCT  (18/7/2023) | 18/7/2026 |
| 1. 46 | Công ty cổ phần dược phẩm OPC | 1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. | Vông nem (Lá) | *Folium Erythrinae variegatae* | Thôn Trung Thành, xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang | 4,5 tấn/ha | 1 ha | 59/GCN-YDCT  (23/8/2023) | 23/8/2026 |
| 1. 47 | Công ty cổ phần dược phẩm OPC | 1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. | Trinh nữ | *Herba Mimosa pulica* | Thôn Trung Thành, xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang | 3,3 tấn/ha | 1,1 ha | 57/GCN-YDCT  (23/8/2023) | 23/8/2026 |
| 1. 48 | Công ty cổ phần dược phẩm OPC | 1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. | Húng chanh  (Lá) | *Folium Plectranthi amboinici* | Phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ | 135 tấn/năm (dược liệu tươi) | 11725 m2 | 60/GCN-YDCT  (23/8/2023) | 23/8/2026 |
| 1. 49 | Công ty cổ phần dược phẩm OPC | 1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. | Ích mẫu | *Herba Leonuri japonici* | Thôn Danh Thường, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang | 3,5 tấn/ha/năm | 1,3 ha | 65 /GCN-YDCT  (05/9/2023) | 05/9/2026 |
| 1. 50 | Công ty TNHH sản xuất và thương mại dược phẩm Tâm Bình | Số 349 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đương quy di thực (Rễ) | *Radix Angelicae acutilobae* | Đội 12, tiểu khu 12, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La | 6-9 tấn/03 năm | 01 ha | 66/GCN-YDCT (05/9/2023) | 05/9/2026 |
| 1. 51 | Công ty cổ phần khoa học công nghệ Đông Á | Lô A2-CN3 cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Thiên môn đông (Rễ) | *Radix Asparagi cochinchinensis* | Thôn 6, xã Quảng La, huyện Hoành Bồ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | 03 tấn/ha/chu kỳ (18-24 tháng) | 4,19 ha | 64/GCN-YDCT (05/9/2023) | 05/9/2026 |
| 1. 52 | Công ty cổ phần khoa học công nghệ Đông Á | Lô A2-CN3 cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Thiên môn đông (Rễ) | *Radix Asparagi cochinchinensis* | Khu 5, xã Tề Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ | 03 tấn/ha/chu kỳ (18-24 tháng) | 03 ha | 63/GCN-YDCT (05/9/2023) | 05/9/2026 |
| 1. 53 | Công ty TNHH Nam Dược | Lô M13 (C4-9) KCN Hòa Xá – TP.Nam Định, tỉnh Nam Định,Việt Nam | Cát cánh | *Radix Platycodi grandiflori* | Thôn Là Dì Thàng, xã Tả Van Chư, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai | 19 tấn/năm | 9,7 ha | 75/GCN-YDCT  (26/9/2023) | 26/9/2026 |
| 1. 54 | Công ty cổ phần Traphaco | Số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, Q. Ba Đình, Hà Nội,Việt Nam | Bìm bìm biếc (Hạt) | *Semen Pharbitidis* | Xã Thạch Đồng, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ | 9-10 tấn/năm | 5 ha | 71/GCN-YDCT (10/10/2023) | 10/10/2026 |
| 1. 55 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương | Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Diệp hạ châu | *Herba Phyllanthi urinariae* | Thôn Đồng Bình, xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | 8-9  tấn/năm | 15917 m2 | 72/GCN-YDCT  (16/10/2023) | 16/10/2026 |
| 1. 56 | Công ty TNHH Ngọc Hương (chuyển từ Hà Tây về, số cũ : 0302000232) – CN Phú Yên | Thôn Ngân Điền, xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam | Nấm Cordyceps militraris | *Cordyceps militaris* (L.) Fr. | Thôn Ngân Điền, xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên | 3,6-4 tấn/năm | 340 m2 | 78/GCN-YDCT (27/11/2023) | 27/11/2026 |
| 1. 57 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương | Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Đinh lăng (Rễ) | *Radix Polysciacis* | Xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định | 16-17 tấn/chu kỳ (3 năm) | 15800 m2 | 79/GCN-YDCT  (27/11/2023) | 27/11/2026 |
| 1. 58 | Công ty TNHH SX&TM Dược phẩm Tâm Bình | Số 349 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Ba kích (Rễ) | *Radix Morindae officinalis* | Thôn Đồng Giếng, xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc | 4 tấn/ha/chu kỳ (3 năm) | 1 ha | 89/GCN-YDCT (29/12/2023) | 29/12/2026 |
| 1. 59 | Công ty TNHH Nam Dược | Lô M13 (C4-9) KCN Hòa Xá – TP.Nam Định, tỉnh Nam Định,Việt Nam | Dây thìa canh | *Caulis et folium Gymnematis sylvestris* | Xóm 3, xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định | 14 tấn/năm | 1,2 ha | 87/GCN-YDCT (29/12/2023) | 29/12/2026 |
| 1. 60 | Công ty TNHH Nam Dược | Lô M13 (C4-9) KCN Hòa Xá – TP.Nam Định, tỉnh Nam Định,Việt Nam | Quất | *Citrus japonica* Thunb. | Thôn Mỹ Trung, xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định | 66 tấn/năm (dược liệu tươi) | 2,645 ha | 88/GCN-YDCT (29/12/2023) | 29/12/2026 |
| 1. 61 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco | Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Cúc hoa vàng (Cụm hoa) | *Flos Chrysanthemi indici* | Thôn Đồng Trại, xã Lương Tài, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | 2 – 2,1 tấn/năm | 1,3 ha | 90/GCN-YDCT (29/12/2023) | 29/12/2026 |
| 1. 62 | Công ty CP dược Lâm Đồng (LADOPHAR) | Số 18 đường Ngô Quyền, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam | Actisô (Lá) | *Folium Cynarae scolymi* | Tỉnh Lâm Đồng | 910 tấn/năm (dược liệu tươi) | 9,0 ha | 07/GCN-YDCT  (19/02/2024) | 19/02/2027 |
| 1. 63 | Công ty cổ phần dược phẩm OPC | 1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Diệp hạ châu đắng | *Herba Phyllanthi amari* | Tổ dân phố 3, thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng | 0,6 tấn/năm | 1020 m2 | 11/GCN-YDCT  (28/02/2024) | 28/2/2027 |
| 1. 64 | Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà | Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Bìm bìm biếc | *Semen Pharbitidi* | Thôn Quang Trung, xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình | 1 – 1,2 tấn/năm | 1 ha | 12/GCN-YDCT  (28/02/2024) | 28/2/2027 |
| 1. 65 | Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà | Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Actisô | *Folium Cynarae scolymi* | Xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai | 40 tấn/ha/năm  (dược liệu trươi) | 5 ha | 13/GCN-YDCT  (28/02/2024) | 28/2/2027 |
| 1. 66 | Công ty cổ phần dược phẩm OPC | 1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Actisô | *Folium Cynarae scolymi* | Thôn Xuân Thành, xã Thọ Xuân, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | 76 tấn/năm (dược liệu tươi) | 7559 m2 | 16/GCN-YDCT  (25/3/2024) | 25/3/2027 |
| 1. 67 | Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP | Lô 87, 88, khu E, khu Công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đồng Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | Bìm bìm biếc (Hạt) | *Semen Pharbitidis* | Thôn Đình Bảng, xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa | 1 – 1,2 tấn/năm | 1 ha | 18/GCN-YDCT  (05/4/2024) | 05/4/2027 |
| 1. 68 | Công ty cổ phần dược phẩm Việt (Đông dược Việt) | Đường số 5, Khu công nghiệp Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An | Lạc tiên | *Herba Passiflorae foetidae* | 1258 quốc lộ 62, xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An | 3,5 – 4 tấn/năm | 1 ha | 17/GCN-YDCT  (25/4/2024) | 25/4/2027 |
| 1. 69 | Công ty cổ phần dược phẩm Việt (Đông dược Việt) | Đường số 5, Khu công nghiệp Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An | 1. Liên diệp  2. Liên Nhục  3. Liên Tâm | *1.*  *Folium Nelumbinis nuciferae*  *2.*  *Senmen Nelumbinis nuciferae*  *3.*  *Embryo Nelumbinis nuciferae* | 1258 quốc lộ 62, xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An | Liên diệp 2 tấn/ha/năm  Liên nhục 1,5 tấn/ha/năm  Liên tâm 50 kg/ha/năm | 3 ha | 24/GCN-YDCT  (25/4/2024) | 25/4/2027 |
| 1. 70 | Công ty TNHH sản xuất và thương mại dược phẩm Tâm Bình | Số 349 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Ngưu tất  (Rễ) | *Radix Achyranthis bidentatae* | Đội 12, tiểu khu 12, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La | 2 - 2,5 tấn/ha/năm | 10286 m2 | 25/GCN-YDCT  (03/5/2024) | 03/5/2027 |
| 1. 71 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco | Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Trạch tả (Thân rễ) | *Rhizoma Alismatis* | Thôn Nội Minh, xã Trực Đạo, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định | 3,3 tấn/ha/năm | 21970 m2 | 26/GCN-YDCT  (03/5/2024) | 03/5/2027 |
| 1. 72 | Công ty cổ phần VietRap đầu tư thương mại | Số 1, ngõ 238 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Địa liền (Thân rễ) | *Rhizoma Kaempferiae galangae* | Thôn Là Dì Thàng, xã Tả Van Chư, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai | 1 – 1,1 tấn/năm | 0,5 ha | 27/GCN-YDCT (21/5/2024) | 21/5/2027 |
| 1. 73 | Công ty cổ phần VietRap đầu tư thương mại | Số 1, ngõ 238 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cát cánh  (Rễ) | *Radix Platycodi grandiflori* | Thôn Là Dì Thàng, xã Tả Van Chư, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai | 20 tấn/năm | 10 ha | 28/GCN-YDCT (21/5/2024) | 21/5/2027 |
| 1. 74 | Công ty cổ phần VietRap đầu tư thương mại | Số 1, ngõ 238 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đương quy di thực (Rễ) | Radix Angelicae acutilobae | Thôn Là Dì Thàng, xã Tả Van Chư, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai | 20 tấn/năm | 10 ha | 29/GCN-YDCT (21/5/2024) | 21/5/2027 |
| 1. 75 | Hợp tác xã nông dược Tĩnh Sáng Đường | Xóm Hợp Thành, xã Yên Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An | Chè dây  (Lá) | *Folium Ampelopsis* | Xóm Hợp Thành, xã Yên Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An | 0,5 tấn/năm | 0,1 ha | 38/GCN-YDCT (08/7/2024) | 08/7/2027 |
| 1. 76 | Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP | Lô 87, 88, khu E, khu Công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đồng Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | Cúc hoa vàng (Cụm hoa) | *Flos Chrysanthemi indici* | Thôn Đình Bảng, xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa | 2-2,1 tấn/năm | 1,3 ha | 41/GCN-YDCT (24/7/2024) | 24/7/2027 |
| 1. 77 | Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP | Lô 87, 88, khu E, khu Công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đồng Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | Địa hoàng (Rễ) | *Radix Rehmanniae glutinosae* | Thôn Đình Bảng, xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa | 4-4,2 tấn/năm | 1,2 ha | 42/GCN-YDCT (24/7/2024) | 24/7/2027 |
| 1. 78 | Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP | Lô 87, 88, khu E, khu Công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đồng Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | 1. Kim ngân (Cuộng)  2. Kim ngân (Hoa) | *1.*  *Caulis cum folium Lonicerae*  *2. Flos Lonicerae* | Thôn Đá Bạc, xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương | 1. Kim ngân (hoa) 0,7 tấn /ha/năm  2. Kim ngân (cuộng) 3,3 tấn/ ha/năm | 1 ha | 43/GCN-YDCT (24/7/2024) | 24/7/2027 |
| 1. 79 | Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP | Lô 87, 88, khu E, khu Công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đồng Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | Ích mẫu | *Herba Leonuri japonici* | Thôn Đình Bảng, xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa | 3 – 3,5 tấn/ha/năm | 1,1 ha | 45/GCN-YDCT (24/7/2024) | 24/7/2027 |
| 1. 80 | Hợp tác xã nông dược Tĩnh Sáng Đường | Xóm Hợp Thành, xã Yên Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An | Đinh lăng (Rễ) | *Radix Polysciasis* | Xóm Hợp Thành, xã Yên Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An | 0,6 tấn/chu kỳ (3 năm) | 0,12 ha | 49/GCN-YDCT (31/7/2024) | 31/7/2027 |
| 1. 81 | Công ty cổ phần VietRap đầu tư thương mại | Số 1, ngõ 238 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Tam thất  (Rễ củ) | *Radix Panasis notoginseng* | Thôn Cồ Dề Chải, xã Nậm Mòn, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai | 2-2,2 tấn /ha/chu kỳ (5 năm) | 2 ha | 59/GCN-YDCT (04/9/2024) | 04/9/2027 |
| 1. 82 | Công ty cổ phần VietRap đầu tư thương mại | Số 1, ngõ 238 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Hà thủ ô đỏ (Rễ) | *Radix Fallopiae multiflorae* | Thôn Là Dì Thàng, xã Tả Van Chư, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai | 2,5 tấn  /ha/chu kỳ (3 năm) | 0,5 ha | 57/GCN-YDCT (04/9/2024) | 04/9/2027 |
| 1. 83 | Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương | Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Kim tiền thảo | *Herba Desmodii styracifolii* | Thôn Xuân Trì, xã Tân Quang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương | 10 -11 tấn/ha/năm | 1,4 ha | 60/GCN-YDCT (04/9/2024) | 04/9/2027 |
| 1. 84 | Công ty cổ phần VietRap đầu tư thương mại | Số 1, ngõ 238 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Tam thất nam  (Tam thất gừng) | *Radix Stahlianthus thorelii* | Thôn Là Dì Thàng, xã Tả Van Chư, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai | 1,1 tấn/năm | 0,5 ha | 62/GCN-YDCT (13/9/2024) | 13/9/2027 |
| 1. 85 | Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP | Lô 87, 88, khu E, khu Công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đồng Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | Actisô  (Lá) | *Folium Cynarae scolymi* | Thôn Son, Xã Lũng Cao, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa | 35 – 40 tấn/ha/năm | 22873,4 m2 | 63/GCN-YDCT (13/9/2024) | 13/9/2027 |
| 1. 86 | Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP | Lô 87, 88, khu E, khu Công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đồng Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | Hy thiêm | *Herba Siegesbeckiae* | Thôn Đình Bảng, xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa | 4 tấn/ha/năm  (01 vụ) | 1 ha | 63/GCN-YDCT (13/9/2024) | 13/9/2027 |
| 1. 87 | Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP | Lô 87, 88, khu E, khu Công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đồng Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | Ngưu tất  (Rễ) | *Radix Achyranthis bidentatae* | Xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình | 3,5 tấn/ha/năm | 15804 m2 | 64/GCN-YDCT (13/9/2024) | 13/9/2027 |
| 1. 88 | Công ty cổ phần VietRap đầu tư thương mại | Số 1, ngõ 238 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Bảy lá một hoa | *Rhizoma Paradis* | Thôn Cồ Dề Chải, xã Nậm Mòn, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai | 3,6 tấn /ha/chu kỳ (5 năm) | 0,5 ha | 66/GCN-YDCT (13/9/2024) | 13/9/2027 |
| 1. 89 | Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP | Lô 87, 88, khu E, khu Công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đồng Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | Rau đắng đất | *Herba Glini oppositifolii* | Thôn III, xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận | 2,5 – 3 tấn/ ha/01 vụ/ năm (03 vụ/năm) | 1,5 ha | 67/GCN-YDCT (13/9/2024) | 13/9/2027 |
| 1. 90 | Công ty cổ phần dược liệu Cao Bằng Xanh | Thôn Tân Thịnh, xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng | Lá lốt | *Herba Piperis lolot* | Xóm Tân Thịnh, xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng | 4 – 4,5 tấn/ha/năm | 4,7 ha | 68/GCN-YDCT (13/9/2024) | 13/9/2027 |
| 1. 91 | Công ty cổ phần Traphaco | Số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, Q. Ba Đình, Hà Nội,Việt Nam | Chè dây  (Lá) | *Folium Ampelopsis* | Thị xã Sa Pa và huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai | 50 - 60 tấn/năm | 20100 ha | 69/GCN-YDCT (13/9/2024) | 13/9/2027 |
| 1. 92 | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco | Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Ngải cứu | *Herba Artemisiae vulgaris* | Đội 3, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội | 9 – 10 tấn/ha/năm | 5000 m2 | 70/GCN-YDCT (13/9/2024) | 13/9/2027 |
|  | Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco | Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Dừa cạn (lá) ;  Dừa cạn (rễ) | *Folium Catharanthi rosei;*  *Radix Catharanthi rosei* | Đội 3, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội | 3 tấn lá khô/ha/năm; 1 tấn rễ khô/ha/năm | 0,1 ha | 74/GCN-YDCT (14/10/2024) | 14/10/2027 |
|  | Công ty cổ phần dược liệu Cao Bằng Xanh | Thôn Tân Thịnh, xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng | Hy thiêm | *Herba Siegesbeckiae* | Xóm Tân Thịnh, xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng | 5 tấn dược liệu khô/ha/vụ (1 - 2 vụ/năm) | 3,54 ha | 79/GCN-YDCT (30/10/2024) | 30/10/2027 |
|  | Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng | Thôn Đá Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang | Nhân trần | *Herba Adenosmatis caerulei* | Xã Quang Minh, xã Hùng An, thị trấn Việt Quang – huyện Bắc Quang – tỉnh Hà Giang | 3,5 – 4 tần dược liệu khô/ha | 3,05 ha | 83/GCN-YDCT (20/11/2024) | 20/11/2027 |
|  | Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng | Thôn Đá Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang | Ba kích | *Radix Morindae officinalis* | Thôn Đá Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang | 6 - 8 tấn dược liệu khô/ha | 0,2 ha | 84/GCN-YDCT (20/11/2024) | 20/11/2027 |
|  | Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng | Thôn Đá Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang | Hà thủ ô đỏ | *Radix Fallopiae multiflorae* | Xã Cốc Rế, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang | 2,5 – 3 tấn dược liệu khô/ha | 1 ha | 85/GCN-YDCT (20/11/2024) | 20/11/2027 |
|  | Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà | Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Kim tiền thảo | *Herba Desmodii styracifolii* | Thôn Minh Đức, xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình | 6 tấn dược liệu khô/ha | 1,5 ha | 93/GCN-YDCT (24/12/2024) | 24/12/2027 |
|  | Công ty TNHH thảo dược Pa Thiên | Số 02 Nguyễn Cơ Thạch, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | Cà gai leo | *Herba Solani procumbensis* | Thôn Ra Ly – Rào, xã Hướng Sơn và thôn Mã Lai, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị | 79,2 tấn dược liệu tươi/năm | 3,6 ha | 94/GCN-YDCT (24/12/2024) | 24/12/2027 |
|  | Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng | Thôn Đá Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang | Hòe (nụ hoa) | *Flos Styphnolobii japonici immaturus* | Thôn Bình Minh, thôn Tiền Phong – xã Bách Thuận – huyện Vũ Thư – tỉnh Thái Bình | 4,0 - 4,2 tấn dược liệu khô/ha/năm | 3,045 ha | 95/GCN-YDCT (24/12/2024) | 24/12/2027 |
|  | Công ty cổ phần dược Lâm Đồng (Ladophar) | Số 18 đường Ngô Quyền, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | Diệp hạ châu đắng | *Herba Phyllanthi amari* | Thôn Quế Dương, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng | 3 tấn dược liệu khô/năm /0,2ha | 0,2 ha | 96/GCN-YDCT (24/12/2024) | 24/12/2027 |